TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh;

2. Ông Tô Sỹ Thái;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phừ Cừ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2019 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Bùi Đăng V, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức Lăng, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên; (có mặt)

Người phiên dịch cho nguyên đơn: Ông Vũ Đình Tuyến, Chức vụ: Giáo viên Trường phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật huyện Tiên Lữ. (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

3. *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

+ Bà Quách Thị T11, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai anh Bùi Đăng V - nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 quê ở thôn D, xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tự quen biết, có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện lấy nhau. Ngày 16/11/2011, anh V và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Sau đám cưới, anh V đón chị T về nhà ở ngay, vợ chồng chung sống hạnh phúc một gian thì nảy sinh mâu thuẫn, sau đó hai bên đã tìm biện pháp giải quyết vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến Tháng 2/2019, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh V là người khuyết tật, không nói được, khó khăn trong việc giao tiếp nên hai người không hòa hợp về cuộc sống chung; mặt khác do chị T không chịu được cuộc sống khó khăn nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở D, Đ, Phù Cừ, Hưng Yên sinh sống; từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Sau khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh V nhiều lần đến tìm đón nhưng chị T không quay về. Khi vợ chồng anh chị mâu thuẫn thì cũng được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay anh V khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh V và chị T có ba con chung là các cháu Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/2012, cháu Bùi Đăng V, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Bùi Như Đ1, sinh ngày 07/4/2018; hiện cả ba con chung đang ở cùng anh V. Giải quyết ly hôn, anh V đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về chia tài sản: Anh V trình bày anh và chị T không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/9/2019, anh V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị T - bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày về quá trình kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn như anh V trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 02/2019, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở D, Đ, Phù Cừ, Hưng Yên sinh sống, cũng từ đó cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và

anh V đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh V có ba con chung như nội dung anh V trình bày là đúng. Giải quyết ly hôn, chị T nhất trí giao cả ba con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về chia tài sản: Chị T và anh V không có gì, không vướng mắc gì về tài sản với người khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng, bà Quách Thị T1 cung cấp:

Anh V và chị T kết hôn năm 2011, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc hơn năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì sao thì bà T1 không biết. Sau khi sinh con hơn một năm thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó chị T về xin lỗi, vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống bình thường cho đến tháng 02/2019, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nguyên nhân là do chị T chê anh V không nói được và chị T có quan hệ với người khác, tuy nhiên bà T1 không xác định được cụ thể là ai. Sau khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì bà cũng đến tìm đón nhưng chị T không về đoàn tụ. Cũng từ tháng 02/2019 cho đến nay anh V, chị T sống ly thân. Anh V, chị T có ba con chung như anh V đã trình bày. Anh V, chị T không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình bà.

Người làm chứng, ông Nguyễn Đình Đ cung cấp:

Anh V, chị T chung sống hạnh phúc 6-7 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đánh cãi nhau, anh V và gia đình nhà chồng đánh đuổi chị T đi. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến khoảng tháng 02/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau khi chị T về nhà ông thì anh V và gia đình có đến tìm đón, hai bên gia đình cũng hòa giải, phân tích cho hai anh chị nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay chị T đang làm công nhân ở Hải Dương, cụ thể tên công ty và địa chỉ thì ông không nắm bắt được, chị T đi làm thì cuối tuần vẫn về nhà ông. Gia đình ông cũng nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập) và ông cũng đã giao lại các văn bản tố tụng cho chị T nhưng vì lý do công việc nên chị T không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị đơn trình bày nội dung vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị đồng ý ly hôn và nhận nuôi hai con chung là H và Đ1, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng, không yêu cầu xem xét về tài sản chung. Bị đơn xác nhận đang làm công nhân và có thu nhập hàng tháng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh V, công nhận sự thuận tình

ly hôn cho anh V và chị T; giao con chung là Bùi Đăng V cho anh V, giao con chung là Bùi Thị H và Bùi Như Đ1 cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; miễn tiền án phí sơ thẩm cho anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Đăng V được ly hôn chị Nguyễn Thị T; giao các con chung là Bùi Thị H và Bùi Như Đ1 cho chị T, giao con chung là Bùi Đăng V cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở; không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; miễn tiền án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, anh Bùi Đăng V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng V và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; do đó quan hệ hôn nhân giữa anh V, chị T là hợp pháp. Nay anh V có yêu cầu ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Theo lời khai của các đương sự, người làm chứng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh V là người khuyết tật, khó khăn trong giao tiếp, từ khoảng tháng 10/2018 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đến tháng 02/2019 mâu thuẫn trầm trọng và từ đó cho đến nay anh V và chị T sống ly thân, vợ chồng không có cuộc sống chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cho thấy hai bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T đều không đến Tòa án, điều đó cho thấy chị T bỏ mặc, không quan tâm và không có

thiện chí hòa giải đoàn tụ với anh V. Tại phiên tòa, chị T khẳng định mong muốn được ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của anh V. Xét các bên đã thật sự mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, do đó cần chấp nhận sự tự nguyện này để các bên được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh V, chị T đều khẳng định vợ chồng có ba con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/2012, Bùi Đăng V1, sinh ngày 05/10/2014 và Bùi Như Đ1, sinh ngày 07/4/2018; các con chung đang ở với anh V.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị T không nhận nuôi con chung nên anh V đã đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T có mong muốn nuôi hai con là H và Đ1, giao anh V nuôi con là V1 để các bên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Xét việc phân chia trách nhiệm đối với con cái của các bên là tự nguyện, cả hai bên đều có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, nhưng anh V có hạn chế về khả năng ngôn ngữ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T nuôi dưỡng hai con chung, giao anh V nuôi dưỡng một con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở. Anh V có trách nhiệm giao con cho chị T nuôi dưỡng khi án có hiệu lực.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự đều khẳng định không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Đăng V là người khuyết tật và có đơn xin miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng V được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

- Giao các con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/2012 và Bùi Như Đ1, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là Bùi Đăng V1, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Bùi Đăng V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

- Anh V và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai, các bên đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Anh V phải giao con chung là Bùi Thị H và Bùi Như Đ1 cho chị T nuôi dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Bùi Đăng V. Hoàn trả anh Bùi Đăng V số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005835 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Phượng